

HOÀI NIỆM ĐÀ LẠT

Kỷ niệm
HỘI NGỘ BÁC SĨ Y KHOA 71-77
ĐÀ LẠT, XUÂN MẬU TUẤT 2018
Ngày 23-25/02/2018 (mùng 8-10 tết Mậu Tuất)

LÊ THANH HOÀNG

ĐÀ LẠT: CON NGƯỜI

Tự thừa nào địa danh Đà Lạt đã khiến mọi người liên tưởng hình ảnh làn sương mờ lãng đãng trên mặt hồ Xuân Hương phẳng lặng buổi sáng mai, một nơi chốn không ồn ào náo nhiệt nóng bức như miền nam

và cũng không có cái giá lạnh rét buốt của miền bắc. Sáng mờ sương nhẹ bước ven hồ, thanh thoát, cõi lòng rộng mở, hít luồng không khí tinh khôi ùa vào tận cùng lồng ngực, tâm tĩnh lặng lòng bình yên, đón nhận tia nắng ấm đầu tiên len lõi ngọn thông xanh, ngồi bên nhau nhìn giọt cà phê tí tách, thời gian nhẹ trôi qua, khe khẽ đôi câu như e rằng giọt sương mai giạt mình tan biến. *Đà Lạt là thế.*

Con đường trong thành phố nơi cao chỗ thấp uốn lượn nhẹ nhàng khiến bước chân không thể nào vội vã hơn, phong thái thong thả chậm rãi là điểm khác biệt với nơi khác. Trang phục vừa kín đáo vừa đủ giữ ấm, nam giới luôn quần áo chemise thanh lịch giày da nền nã, công chức thêm chiếc cravat trang trọng, phái nữ dịu dàng trong tà áo dài thắt lưng ong khoan thai nhịp bước. Người phụ nữ buôn tảo bán tần cũng lịch thiệp với chiếc áo dài đơn giản, sự giao tiếp cũng trân trọng từng lời. Chiếc áo len là bạn đồng hành quanh năm, mùa Noel gió lạnh về, khoác thêm chiếc manteau sang trọng, choàng chiếc khăn quanh cổ ấm áp điệu dàng. *Đà Lạt đã từng là thế.*

Các cô bé cậu bé bước chân đầu tiên vào tiểu học đã nhận được sự triu mến yêu thương của các thầy cô đứng tuổi đã có kinh nghiệm sống tốt đẹp. Các thầy cô dạy kiến thức mới cho học trò và qua phong cách đạo đức của mình cũng dạy cho học trò biết làm người phải như thế nào. Học sinh vừa học chữ nhưng quan trọng nhất là biết cách học làm người. Mười một tuổi nữ sinh thẹn thùng tà áo dài đầu đời bước vào lớp đầu tiên bậc trung học, chiếc áo dịu dàng đã kèm hăm những nghịch ngợm tuổi học trò và sự dịu dàng này theo suốt bảy năm thời trung học cũng như thời gian trưởng thành. *Sự hình thành nhân cách của người Đà Lạt đã từng là như thế.*

Những cơn mưa tháng năm báo hiệu kết thúc mùa khô ráo và mùa mưa bắt đầu. Mưa Đà Lạt nhẹ nhàng không âm ào cuồng nộ nhưng dai dẳng triền miên. Từ khu Hòa Bình đứng nhìn giọt nước mưa tuôn đổ các con đường, hạt chảy theo con dốc này hạt trôi theo con dốc kia, thoáng băng khuâng. Có những ngày trời mưa không dứt, mặt trời lẩn khuất nơi đâu, mưa dầm rã rích nhưng vẫn không ngăn cản đôi tình nhân che dù đi bước trong mưa, đôi chút lãng mạn của người Đà Lạt. Những buổi tối mưa buồn, ngồi bên nhau trong khán phòng âm cúng, người ca sĩ trải lòng vào bài hát trữ tình *Ai lên xứ hoa đào đừng quên... Đêm qua mơ dáng em đang ôm dần điu muôn tiếng tơ...* quên làm sao được nét thi vị đâu phải nơi nào cũng có, lặng nghe và mơ mộng.

Một sáng chửa nhật tháng mười một bước chân ra phố chợt nhìn thấy những bộ đồng phục màu rêu đậm của sinh viên trường Võ Bị, lòng rộn ràng theo: *sắp đến tết rồi*. Nhà nhà chuẩn bị làm mứt, mùi nước luộc gừng ngào ngọt không gian làm ấm ngôi nhà và ấm cả lòng người, người thân sắp về đoàn tụ gia đình. Những vật hoa hướng dương nhuộm vàng khắp phố, một nhà thơ lãng mạn gọi đó là Vệ Đường Hoa, báo hiệu mùa khô ráo khởi đầu. Hoa đào hé nụ ven hồ, lòng rộn rã thêm, mang bộ lư đồng lau chùi sáng loáng chưng bàn thờ ngày tết, chọn cành mai đẹp cắm chiếc đũa bình để góc nhà: *tết gần rồi*.

*Sương trắng thoáng mặt hồ,
Nắng vàng vương ngọn thông,
Nụ hoa đào hé nở,
Chào đón mùa xuân sang.*

Đêm ba mươi lắng nghe tiếng chuông đồng hồ điểm khoan thai mười hai nhịp, đưa tay bóc tờ lịch cuối cùng năm cũ, rộn ràng tiếng pháo khắp nơi: *tết*. Cầm viết khai bút đầu năm: *Lạy Thượng Đế với tình yêu tuyệt đích, ban cho con Ân Sủng mãi tuôn tràn, ban cho con cuộc sống được Bình An, cho con biết tỏ bày tình Sâu Nhiệm.*

Người Đà Lạt *đã từng* là như thế,
Kỷ niệm buồn luôn khắc khoải trong tim,
Nén xót xa nuốt giọt lệ đắm chìm
Dòng hoài niệm xin sẻ chia cùng tri kỷ.
LTH

ĐÀ LẠT: LỊCH SỬ*

Thành lập Đà Lạt phát xuất từ nhu cầu nghỉ dưỡng của người Pháp sau khi quân Pháp chiếm Nam kỳ năm 1859. Vào thời điểm này các bác sĩ và quan chức Pháp đã đánh giá vùng đất Nam Kỳ như sau: “khí hậu khắc nghiệt, phong thổ kém lành mạnh, thời tiết nóng bức và thức ăn đơn điệu” Căn bệnh sốt rét và

các bệnh truyền nhiễm đới khác đã quật ngã không thương tiếc những người mạnh khỏe nhất và con đường sống duy nhất là hồi hương, tuy nhiên hành trình dài ngày trên biển lại là một thử thách khắc nghiệt ít người qua khỏi. Từ thực tế đó quan chức và các bác sĩ Pháp đã nghĩ đến một lối thoát khác đó là tìm kiếm một vùng cao nguyên trong khu vực có khí hậu mát mẻ trong lành để thành lập một trung tâm nghỉ dưỡng cho người Pháp và các tranh luận kéo dài cho đến tháng 7 năm 1897 Toàn quyền Paul Doumer đã chỉ thị thuộc cấp thu thập thông tin về những địa điểm thành lập Viện Điều dưỡng trên núi nơi những viên chức Pháp có thể lấy lại sức lực.

Nhà khoa học kiêm nhà thám hiểm Alexandre Yersin (22 tháng 9 năm 1863 tại Aubonne, Tổng Vaud, Thụy Sĩ - 1 tháng 3, 1943 tại Nha Trang, Việt Nam) đã hưởng ứng yêu cầu của Doumer. Những năm 1892, 1893 và 1894 ông đã đi khảo sát tìm tài nguyên tại vùng cao nguyên Trung Kỳ và ngày 21 tháng 6 năm 1893 ông tình cờ đặt chân đến cao nguyên Lang Bian rộng lớn. Ông viết trong nhật ký: “Một cao nguyên mênh mông, cằn cỗi nổi bật với những quả đồi tròn, rộng chừng 400 kilomet vuông, độ cao 1,500 mét trên mực nước biển, núi cao hơn 2,000 mét.” Năm 1897 sau khi đọc nhật ký của Yersin Toàn quyền Doumer đã chính thức giao nhiệm vụ cho ông “nghiên cứu địa điểm đặt viện điều dưỡng tại vùng cao nguyên” Doumer đặt tên cho viện điều dưỡng tương lai là Lang Sa ngụ ý đây là thành phố Pháp và cũng bày tỏ ý tưởng xây dựng con đường bộ và đường sắt từ Phan Rang lên cao nguyên Lang Bian. Tại vùng Đan Kia rìa của cao nguyên Lang Bian có một ngôi làng người dân tộc thiểu số và Doumer có ý định xây dựng viện điều dưỡng ở vùng lân cận làng này. Đại úy Guynet chỉ huy đội làm đường Lang Bian và bác sĩ Tardif khám phá một vùng cách Đan Kia 13 kilomet có một con suối và nhiều khóm thông xinh đẹp, vùng này cao hơn Đan Kia và có nhiều gió mát cũng như vệ sinh hơn, người dân tộc thiểu số tộc Lạch cư ngụ tại đây và gọi tên vùng này là Đà Lạt có nghĩa là sông của người Lạch. Tháng 11 năm 1900 Toàn quyền Doumer dự tính lưu trú dài ngày với gia đình ở Đà Lạt. Ông ra lệnh xây dựng một số công trình bằng gỗ: bốn ngôi nhà tranh, một ngôi nhà hai tầng gia đình ông ở và một nhà dài 52 mét làm khách sạn tạm thời. Ngày 24 tháng 1 năm 1901 ông thông báo cho Bộ Thuộc địa: “Đà Lạt, vốn được phú cho khí hậu và sự lành mạnh vô song, đã dứt khoát được chọn làm trạm điều dưỡng tương lai” Nhưng Paul Doumer không chỉ hình dung Đà Lạt như một nơi duy nhất dành cho nghỉ dưỡng mà ông còn chú trọng đến căn cứ quân sự, đến việc định cư người Pháp ở Đông Dương. Năm 1922 Kiến trúc sư Hébard vẽ đồ án Đà Lạt mở rộng thành một đô thị tân tiến. Hébard giữ nguyên thảm cỏ chỗ sân cù ngày nay nhìn lên đỉnh Lâm Viên, không được xây cất che khuất, để giữ vẻ đẹp cho thành phố thơ mộng trong tương lai. Đồ án Hébard cũng dự trù “Đà Lạt sẽ là một đô thị tân tiến; một góc nước Pháp ở miền núi Alpes của Á Châu” với:

- Hồ nhân tạo

- Hàng trăm biệt thự rải rác trên các sườn đồi

- Xây dựng ngôi chợ trung ương hình khối chữ nhật với tháp chuông vươn cao. Đó là vị trí rạp hát Hòa Bình hiện nay.

Để thực hiện ý tưởng này tất yếu phải có đường đi lại thuận tiện và năm 1898 một người Ý thực hiện chuyến đi đầu tiên từ Sài Gòn lên Đà Lạt và đến tháng 7 năm 1932, con đường quốc lộ 20 từ Sài Gòn lên Bảo Lộc đi Đà Lạt hoàn thành. Đồng thời người Pháp cũng xem xét việc xây dựng đường sắt từ Phan Rang lên Đà Lạt.

Những người Pháp đầu tiên khi đặt chân đến Đà Lạt cảm nhận sự khỏe khoắn cơ thể và tinh thần, tiết trời lạnh ru giấc ngủ đậm say, chẻ củi đốt lửa ấm áp và sáng khoái, thực sự một cảm giác mới mẻ tuyệt vời. Nhờ có khu nghỉ dưỡng này, tất cả những nỗi khó chịu và khổ khổ của Đông Dương đã lập tức tiêu tan. Bởi vậy không có gì ngạc nhiên khi khẩu hiệu của Đà Lạt thời thực dân là: “*Dat Aliis Laetitiā Aliis Temperiem*” Cụm từ Latin này (khéo léo ghép lại thành chữ DALAT) có nghĩa là: “*Mang niềm vui cho một số người, và khí hậu ôn hòa cho người khác*” Một thực tế khác của Đà Lạt đó là sự buồn chán và những căn bệnh cảm cúm kinh niên do sự ẩm ướt mang lại cho người Đà Lạt (Dalatois: người Đà Lạt và Dalatites: bệnh ở Đà Lạt) Thực tế này vẫn còn đến ngày hôm nay.

Đà Lạt nguyên thủy là vùng đất của người dân tộc thiểu số, còn những người Việt Nam (Kinh) đầu tiên đến cư ngụ Đà Lạt là những người phu khuân vác thóc gạo hay những người buôn bán. Thật sự Đà Lạt là nơi đất rộng, phì nhiêu, dân cư thưa thớt (vì sự hạn chế người Kinh lên lập nghiệp), nên vào năm 1942, Quân đạo (quan người Việt đứng đầu tỉnh bên cạnh Công sứ của Pháp) Phạm Khắc Hòe có xin với Pháp chiếu cố một số gia đình nghèo khổ từ quê quán ông thuộc hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh lên đó lập nghiệp.

Những người này đến đây chuyên canh rau cải, sống tập trung gọi là ấp Nghệ Tĩnh. Riêng ấp Hà Đông do tổng đốc Hoàng Trọng Phu, mộ dân miền Bắc lập ra năm 1938, theo lời yêu cầu của Pháp. Lúc kế vị cha làm tổng đốc Hà Đông, Phu mộ dân các làng Quảng Hoa, Ngọc Hồi, Nghi Tầm.....là nơi chuyên trồng hoa để lên Đà Lạt canh tác theo lời yêu cầu của viên công sứ Đà Lạt. Từ năm 1938, chỉ có 7 gia đình lên lập nghiệp. Lúc khởi sự lập vườn hoa, Pháp có giúp đỡ bằng cách cho vay tiền của Quỹ tương trợ hỗ trợ tương. Sau một năm, phân nửa bỏ Đà Lạt trở về quê quán vì trồng hoa không kết quả như ý muốn. Số còn lại tiếp tục trồng hành tây, củ cải, măng tây, artichaut, củ hành, cải bắp và đậu.....Từ năm 1941, ấp Hà Đông bắt đầu làm ăn phát đạt nhờ nghề trồng hoa và rau cải. Cuối năm 1941, có tất cả 28 gia đình ở ấp Hà Đông, tổng số 100 nhân khẩu.

Năm 1944 Đà Lạt đã có 750 biệt thự tư nhân - có nhiều kiểu dáng đa dạng mang đậm nét biểu thị vùng miền Âu Châu chẳng mấy chốc đã trở thành nguyên nhân nổi tiếng của nó - nhiều cơ quan chính phủ, các dinh cơ mùa hè của vua An Nam, của Toàn quyền Đông Dương, của những chức sắc hàng đầu của Trung-Nam kỳ và một sân gôn. Dân số tăng nhanh chóng, từ 1.500 cư dân năm 1923 lên khoảng 13.000 năm 1940 rồi 20.000 năm 1942 và năm 1975 có 105.072 dân. Năm 2011, Đà Lạt có dân số 211.696 người, chiếm 17,4% dân số của tỉnh Lâm Đồng, mật độ 536 người/km² Du khách cũng tăng theo từ 8.000 năm 1925, 12.000 năm 1940 và 20.000 du khách năm 1942.

Ngày 30 tháng 5 năm 1949 người Pháp trao quyền quản lý vùng [Cao nguyên Trung phần](#) với [Xứ Thượng Nam Đông Dương](#) cho Chính phủ [Quốc gia Việt Nam](#). [Quốc trưởng Bảo Đại](#) đã tách riêng phần Cao nguyên Trung bộ ra và lập quy chế hành chính đặc biệt có tên là Hoàng triều Cương thổ qua Dụ số 6 ngày 15 tháng 4 năm 1950. Tại vùng này thì [Bảo Đại](#) ngoài danh nghĩa [Quốc trưởng](#) ra vẫn giữ vai trò [Hoàng đế](#). Năm tỉnh thuộc [Xứ Thượng Nam Đông Dương](#) chuyển giao thành Hoàng triều Cương thổ ở Trung phần là: [Đồng Nai Thượng](#), [Lang Biang](#), [Pleiku](#), [Darlac](#), [Kontum](#). Hoàng Triều Cương Thổ kết thúc ngày 11/3/1955.

ĐÀ LẠT: ĐƯỜNG SẮT và GA ĐÀ LẠT*

Đường sắt:

Bắt đầu được nghiên cứu từ năm [1898](#), được khởi công năm [1908](#) theo lệnh của toàn quyền Paul Doumer và gặp rất nhiều khó khăn về nhân công và tài chánh. Đại úy Pháp Fernan Bernard đề nghị dùng công nghệ bánh răng (crémaillère) để móc và kéo toa xe lửa lên những đoạn dốc cao. Tuyến đường có 16 km đường sắt răng cưa, vượt độ cao 1.500m trên mực nước biển với độ dốc thường xuyên 12%. Đường sắt răng cưa Sông Pha - Đà Lạt được thiết kế theo kiểu Thụy Sĩ, đường sắt có 3 đường ray, một nằm giữa được thiết kế có răng cưa để tàu có thể leo dốc an toàn. Đây là kiểu đường sắt chỉ có ở Đà Lạt và Thụy Sĩ. Hiện nay, cả tuyến đường sắt Đà Lạt không còn dấu tích các đoạn răng cưa. Đường sắt được vận hành bằng 11 đầu máy hơi nước hiệu [Fuka](#) của [Thụy Sĩ](#). Ngân sách ban đầu là 200 triệu đồng Đông Dương (1 đồng Đông Dương tương đương 10 franc lúc bấy giờ) nhưng vẫn không đủ do đó mãi đến năm 1932 mới nghe tiếng còi lanh lạnh đặc biệt của vị Chef de gare. Xưa mỗi ngày có hai đôi tàu chạy tuyến Đà Lạt – Nha Trang, Đà Lạt – Sài Gòn với ba toa khách, một toa tàu hàng và ngược lại. Hành khách bao giờ cũng đông với phần lớn là người Pháp và quan chức người Việt. Nếu đi từ Sài Gòn sẽ mất khoảng nửa ngày để đến Đà Lạt. Tuyến đường sắt đã bị ngưng từ năm 1972 do chiến sự ác liệt ở miền Nam khiến cho nhu cầu vận chuyển đường sắt gặp khó khăn. Giữa năm 1975, khi đất nước thống nhất, đường sắt được vận hành trở lại nhưng chỉ chạy được đúng 7 chuyến từ Đà Lạt đến cầu Tân Mỹ ([Ninh Sơn](#)) thì bị ngưng lại vì không hiệu quả kinh tế. Năm 1986, [Liên hiệp Đường sắt Việt Nam](#) đã cho công nhân tháo ray và tà vẹt để phục vụ sửa chữa [Đường sắt Thống Nhất](#). Phần còn lại bị bán làm sắt vụn dần dần từ những năm 1980 đến 2004, khi cầu đường sắt [D'ran](#) bị tháo dỡ. Hiện nay, chỉ còn một phần của tuyến đường sắt này là [đường sắt Đà Lạt-Trai Mát](#) dài 7 km còn hoạt động để phục vụ khách du lịch.

Ga Đà Lạt:

Là [nhà ga tàu hỏa](#) của thành phố [Đà Lạt](#). Đây được xem là nhà ga lâu đời nhất ở [Việt Nam](#) và [Đông Dương](#). Nhà ga được [người Pháp](#) xây dựng từ năm 1932 đến 1938 thì hoàn thành, là nhà ga đầu mối trên tuyến [đường sắt Phan Rang-Đà Lạt](#) dài 84 km. Công trình do hai kiến trúc sư người [Pháp](#) là Moncet và Reveron thiết kế, kinh phí xây dựng là 200.000 francs. Reveron đã lấy cảm hứng từ nhà ga ở khu nghỉ mát Normandy khiến lữ khách khi đến ga Đà Lạt có cảm nhận phong vị an dưỡng của vùng nghỉ dưỡng bên Pháp. Hình dáng nhà ga giống núi [Langbiang](#) hùng vĩ, với chiều dài 66,5m; chiều ngang 11,4m và chiều cao 11m. Nhà ga có 3 chóp nhọn, tượng trưng cho núi [Langbiang](#) đỉnh núi cao nhất vùng. Phía trước còn có mặt đồng hồ to ghi lại thời gian mà bác sĩ [Alexandre Yersin](#) đã phát hiện ra Đà Lạt.

Ga Đà Lạt có đặc điểm:

Nhà ga cao nhất.

Nhà ga cổ nhất cùng với [ga Hải Phòng](#), lâu đời nhất ở [Đông Dương](#).

[Đầu tàu chạy bằng hơi nước](#) duy nhất chỉ có ở Đà Lạt.

Nhà ga độc đáo nhất.

Nhà ga đẹp nhất Việt Nam.

ĐÀ LẠT: MỘT TRUNG TÂM GIÁO DỤC*

Các nhà khoa học giáo dục đều nhận định rằng môi trường khí hậu Đà Lạt trong lành, mát mẻ rất thích hợp cho hoạt động của trí tuệ.

Từ đó, Đà Lạt sớm phát triển thành một Trung tâm giáo dục quan trọng nhất trong nước.

Năm 1927, nhằm phục vụ cho con em người Pháp và một số gia đình người Việt giàu có, Pháp cho xây dựng trường Lycée de Dalat. Trường được xây dựng trên vùng đồi rộng, một mặt nhìn sang hồ Xuân hương và mặt bên kia hướng về khu nhà ga Đà Lạt. Kiến trúc sư người Pháp Paul Moncet thiết kế và giám sát xây dựng. Vật liệu gồm gạch đỏ và ngói mang từ Pháp sang, ngói đã được thay do hư hỏng nhiều. Tòa nhà có 3 tầng với 24 phòng và một tháp chuông cao 54 mét, hiện nay còn dấu vết chiếc đồng hồ trên tháp. Điểm độc đáo trong kiến trúc của ngôi trường này là dãy lớp học được xây hình vòng cung với điểm nhấn là tháp chuông cao vút. Đây là ngôi trường có lối kiến trúc đẹp nhất Đông Nam Á, với dáng vẻ ngoạn mục bằng những đường cong mềm mại ôm lấy một khoảng sân rộng, vươn cao như những rặng thông xanh biếc nằm trên một ngọn đồi soi bóng bên hồ Xuân Hương, ghi dấu ấn mạnh vào bức tranh thơ mộng của Đà Lạt, là ngôi trường có lối kiến trúc duy nhất ở Việt Nam được Hội Kiến trúc sư thế giới (UIA) thừa nhận là một trong số 1.000 công trình xây dựng độc đáo của toàn cầu thế kỷ 20. Tòa kiến trúc này được xây dựng từ năm 1927 cho tới năm 1935 mới hoàn thành và lấy tên Lycée Yersin để ghi nhớ bác sĩ người Pháp gốc Thụy sĩ Alexandre Yersin - người đã khám phá cao nguyên Lang Bian. Lễ khai giảng niên khóa đầu tiên vào ngày 28 tháng 6 năm 1935. Năm 1927 một trường trung học thứ hai được thành lập với tên gọi Petit Lycee de Dalat. Bên cạnh học sinh người Pháp trường có nhận thêm các học sinh người Việt và Cambodia. Bảo Đại và Norodom Shianouk đã học tại trường này. Đến năm 1969, Pháp bàn giao trường cho Bộ Giáo dục Việt Nam theo thoả thuận giữa hai chính phủ Việt-Pháp, trường có tên Trung tâm giáo dục Hùng vương, đào tạo học sinh theo chương trình Việt nhưng có tăng cường học Pháp văn (ở bậc tiểu học từ lớp 1) mỗi tuần 8 giờ do các giáo sư người Pháp trực tiếp giảng dạy, đồng thời có một cơ sở Sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học đặt trong ngôi trường này. Đến tháng 9 năm 1975, TTGD Hùng Vương đổi thành trường phổ thông cấp 1,2,3. Năm 1976, trường được chuyển giao cho trường Cao đẳng Sư phạm, có nhiệm vụ đào tạo giáo viên cấp 2.

Ngôi trường Việt Nam đầu tiên do cụ Bùi Thúc Bàng mở ra năm 1927, gần rạp Ngọc Lan.

Cùng năm đó, dòng nữ tu Soeur St. Paul (Sister of St. Paul) mở trường Crèche de Nazareth, dành riêng cho trẻ em. Trước năm 1975, trường này tọa lạc trên đường Yersin qua khỏi nhà thờ và bưu điện.

Cuối năm 1932, người Pháp xây dựng cơ sở giáo dục cho nhà dòng sư huynh (trường Christian Brothers) và trường Collège D'Adran cho các chủng sinh.

Năm 1935 nhà dòng Notre Dames de Langbian xây dựng trường nữ trung học Couvent des Oiseaux dành riêng cho các thiếu nữ con các gia đình Pháp, Việt giàu có cùng các gia đình quan lại. Trường này thu nhận cả nữ sinh từ Miên và Lào. Các con gái của vua Bảo Đại học tại trường này.

Đến ngày 27/6/1939, Đà Lạt có thêm trường Thiếu Sinh Quân đầu tiên dành cho các thiếu nhi và thiếu niên các gia đình quân nhân Pháp Việt. Theo thống kê, một số thiếu sinh quân là những đứa con lai, bị gia

đình bỏ rơi: cha về Pháp, còn mẹ không nhìn vì bị xã hội khinh rẻ. Trường Thiếu Sinh Quân thu nhận trẻ em và thanh niên tuổi từ 12 tới 20. Sau khi học huấn luyện quân sự căn bản, các em được theo học văn hóa. Những người đủ khả năng sẽ cho vào Lycée Yersin học tiếp để rồi qua Pháp học trường võ bị St. Cyr. Năm 1941, trường thiếu sinh quân Đà Lạt có 150 học sinh.

Năm 1936, bác sĩ Yersin lập ra viện Pasteur ở Đà Lạt. Đồng thời các nơi như Sài Gòn, Huế, Nha Trang đều có thành lập viện Pasteur, lấy tên nhà bác học Pháp Louis Pasteur.

Năm 1941 phòng in bản đồ từ Gia Định dời lên Đà Lạt, sau này trở thành Nha Địa Dư, nằm trên một ngọn đồi gần trường Yersin, và ga xe lửa Đà Lạt.

Ngày 1/1/1953 trường Quốc Gia Hành Chánh thành lập tại Đà Lạt, để đào tạo công chức cao cấp cho chính phủ.

Trường trung học Trần Hưng Đạo khởi thủy lập gần chợ Hòa Bình, có hoàng tử Bảo Long theo học, nên sau lấy tên trường Bảo Long. Còn trường nữ trung học Bùi Thị Xuân, lúc mới thành lập lấy tên công chúa Phương Mai, sau đổi thành trường Quang Trung.

Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam nguyên thủy là trường Sĩ Quan Huế, thành lập năm 1948 bên cạnh sông Hương. Năm 1950, trường này di chuyển lên Đà Lạt, lấy cơ sở trường chỉ huy tham mưu sau này làm địa điểm. Dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm trường này lấy tên trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Đến năm 1960, trường này đổi tên thành trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam cho tới năm 1975. Ngô Đình Diệm là người đặt viên đá đầu tiên xây cất trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam trên ngọn đồi 1515. Đến năm 1967, trường này có cơ sở hiện đại nhất so với các trường võ bị ở Đông Nam Á, áp dụng chương trình huấn luyện quân sự và một phần lớn chương trình văn hóa của trường võ bị West Point. Trường Võ Bị Quốc Gia dạy văn hóa bậc đại học 4 năm, đào tạo sĩ quan hiện dịch đủ trình độ kiến thức chỉ huy và kiến thiết sau này. Khi tốt nghiệp, ngoài bằng cấp tốt nghiệp do trường Võ Bị cấp phát, mỗi sinh viên còn được cấp bằng cử nhân khoa học ứng dụng. Cho đến tháng 4/1975, trường Võ Bị Quốc Gia đào tạo được 29 khóa sĩ quan hiện dịch.

Viện đại học Đà Lạt thành lập năm 1957. Tiền thân của Viện Đại Học Đà Lạt là trường Sư Huynh công giáo ở Huế do giám mục Ngô Đình Thục thành lập với sự giúp đỡ của Hồng Y Spellman ở New York. Viện Đại Học Đà Lạt xây cất trên khu đất rộng 38 mẫu tây, có khoảng 1500 sinh viên theo học các phân khoa chính trị, kinh doanh, sư phạm, khoa học.....năm tại số 1 đường Phù Đổng Thiên Vương. Từ xa, có thể nhận thấy dấu hiệu của trường là cây thánh giá vươn cao.

Thật là một sự ngạc nhiên đến lạ lùng, Đà Lạt trước năm 1975 có độ 80.000 dân mà có đến 4 cơ sở giáo dục đại học: Viện đại học Đà Lạt, Đại học Chiến Tranh Chính Trị, Trường Võ Bị Quốc Gia. Phía giáo hội còn có Giáo Hoàng học viện Pio X. Ngoài ra còn 15 trường trung học đệ nhị cấp, và 56 trường tiểu học.

ĐÀ LẠT: TRÀ*

Người Pháp đã sớm lập đồn điền canh tác và lập Sở Trà Cầu Đất để chế biến trà từ năm 1927 với tên gọi ban đầu là Sở Trà Cầu Đất, Xuân Trường “L'Arbre Broyé”. Trải qua nhiều giai đoạn người Pháp đã tổ chức gieo trồng, thu hoạch và quản lý từ lúc mới thành lập, cho đến nay hương vị “chát chát và ngọt ngọt” đặc trưng của những cây trà cổ Cầu Đất trên 80 tuổi càng thêm đậm đà và thanh khiết.

Do đặc trưng của khí hậu ở độ cao 1650m so với mực nước biển, khí hậu lạnh sương mù bao phủ quanh năm đã ru dưỡng cho cây trà ở Cầu Đất có những tố chất vượt trội so với các loại trà được trồng ở những vùng khác.

Giai đoạn từ 1927 đến 1959

- Người Pháp đến khai hoang và thành lập nên Sở Trà Cầu Đất.

- Để thành lập nên Sở Trà Cầu Đất những ông chủ người Pháp đầu tiên trong đó có Monsieur Lortholary, De Guigo đã đi về các tỉnh miền Trung để chiêu mộ nông phu như : Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên

- Trong thời gian này nhà máy chủ yếu sản xuất chè đen, sản phẩm được đưa về Pháp tiêu thụ và xuất khẩu sang các nước khác ở Châu Âu.

Giai đoạn 1960 đến 1975:

- Là giai đoạn tiếp theo của những ông chủ người Hoa như Huỳnh Như Anh; Ngô Như Tân. Nhưng sau

đó họ cũng lần lượt về nước.

Giai đoạn từ 1975 đến 2005:

- Do nhà nước quản lý.

Giai đoạn từ tháng 12-2005 cho đến nay

- Chuyển sang cổ phần hóa do Công ty CP TM Toàn Lực (Trong nhóm Vidon Group) đầu tư tài chính và cử người quản lý điều hành.

- Bắt đầu đa dạng hóa sản phẩm trồng thêm một số giống chè Đài Loan.

- Sản phẩm được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đi nước ngoài thông qua các đối tác.

- Đăng cai tổ chức lễ hội văn hóa trà lần đầu tiên tại tỉnh Lâm Đồng năm 2007.

- Trong tương lai sẽ đầu tư phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và ẩm thực-trà đạo Cầu Đất, Đà Lạt.

Từ diện tích trồng chè của nhà máy Cầu Đất cuối thập niên 1920 là trên 600 héc ta nay chỉ còn 230 héc ta. Về công nghệ chế biến, những chiếc máy vò chè, sàng, sấy, sản liên hợp... được sản xuất từ thập niên 1930 đến nay vẫn còn hoạt động. Trong tổng số 230 héc ta lại có tới 50 héc ta chè cổ thụ 60-70 tuổi vẫn còn được thu hoạch. Khó khăn nhất của công ty hiện nay chính là sự cạnh tranh. Tất cả chi phí đầu vào đều tăng nhưng giá bán chè lại không thể tăng... Tuy nhiên, không vì thế mà Chè Cầu Đất dậm chân tại chỗ. Trong ba năm qua, Chè Cầu Đất đã trồng thêm 30 héc ta chè Oolong Kim Tuyên giống Đài Loan, trồng cà phê, sản xuất thêm rượu vang Cầu Đất (các nhãn hàng Shiraz, Cadalat và Dran) và đầu tư hệ thống tưới nước, máy móc... với chi phí khoảng 10 tỉ đồng.

Những người sành trà sẽ dễ dàng nhận ra đặc trưng của từng loại trà qua hương thơm tự nhiên, vị trà không chát, ngọt dịu mà có hậu... Nhờ vậy, trà Cầu Đất đã từng được xuất khẩu sang các nước: Pháp, Hà Lan, Đức, Đài Loan và các nước Trung Đông. Trà đen của Đà Lạt được người trong và ngoài nước thích dùng vì trà được trồng trên vùng đất thích hợp ở độ cao 1.650 m so với mực nước biển với một quy trình sản xuất, chăm sóc và chế biến rất nghiêm ngặt. Để có hương trà ngọt dịu đặc trưng, trà nguyên liệu trải qua nhiều công đoạn khi chế biến như: vò lá trà, sấy khô nhằm giảm lượng nước, giúp cho trà săn chắc, không cho nấm phát triển, bảo quản được lâu và hương vị còn nguyên chất. Chè Cầu Đất cho năng suất không cao, tổng sản lượng hàng năm chỉ đạt khoảng 300 tấn. Trong khi đó, với diện tích tương tự, cây chè trồng ở Bảo Lộc cho năng suất cao gấp rưỡi hoặc gấp đôi. Chính vì thế trong thời gian qua, công ty đã từ chối khá nhiều đơn hàng của đối tác nước ngoài ở Pháp, Cộng hòa Séc. Hiện nay 30% sản phẩm chè của Cầu Đất tiêu thụ nội địa, phần còn lại được xuất khẩu thông qua một đối tác trong nước. Sản phẩm của Công ty được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm. Đặc sản chè xanh Cầu Đất được tặng huy chương vàng hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam 2003, giải thưởng Sao vàng Đất Việt 2003

Dưới tán trà cổ thụ Cầu Đất tỏa bóng mát hay bên vườn trà Ô Long xanh rờn, uốn lượn trên đồi cao chạy mát tầm mắt, du khách sẽ có cảm giác thích thú khi nhấm nháp ly trà nóng – một [đặc sản nổi tiếng của đất Đà Lạt](#).

ĐÀ LẠT: MỘT ĐIỂM ĐẾN LÃNG MẠN*

Đà Lạt đã được khắc ghi vào tâm khảm mọi người như một điểm đến lãng mạn với khung cảnh quyền rũ và lối kiến trúc lạ mắt của Đà Lạt, đặc biệt vào những năm 1930 trùng hợp với thời kỳ nở rộ về văn chương và thi ca Việt Nam.

Thi sĩ Hàn Mặc Tử (1912-1940) đã viết bài thơ “Đà Lạt trắng mờ”:

*Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu,
Trời mơ trong cảnh thật huyền mơ.
Trắng sao đắm đuối trong sương nhạt,
Nhu đón từ xa một ý thơ.
Ai hãy làm tinh chó nói nhiều,
Để nghe dưới đáy nước hồ reo.
Để nghe tơ liễu run trong gió,
Và để xem trời giải nghĩa yêu.
Hàng thông lấp loáng đứng trong im,
Cành lá in như đã lặng chìm.
Hư thực làm sao phân biệt được?*

Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm.
Cả trời say nhuộm một màu trắng,
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng.
Không một tiếng gì nghe động chạm,
Dẫu là tiếng vỡ của sao băng!

(Nguồn: Trần Thanh Mai, Hàn Mạc Tử (1912-1940), NXB Văn học, 2006)

Quách Tấn làm bắt từ hình ảnh Đà Lạt qua bài thơ “Đà Lạt đêm sương”

Bóng trăng lóng lánh mặt hồ im,
Thời khắc theo nhau lái rái chìm.
Đứng dựa non sao bờ suối ngọc,
Hồn say dịu dịu mộng êm êm.
Một luồng sương bạc bỗng từ mô
Lên cuốn vòng trăng cuốn mặt hồ,
Cuốn cả non sao bờ suối ngọc:
Người lơ lửng đứng giữa hư vô.
- Trời đất tan ra thành thủy tinh -
Một bàn tay ngọc dẫm hương trinh
Âm thầm mơn trớn bên đôi má
Hơi mát đê mê chạy khắp mình.

(Nguồn: Tinh tuyển văn học Việt Nam tập 7: Văn học giai đoạn 1900-1945, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, NXB Khoa học xã hội, 2004)

ĐÀ LẠT: HOÀI NIỆM

Có những chiều mưa lạnh buốt lòng
Nỗi niềm sâu lắng giữa hàng thông
Tìm đâu cho thấy dáng xưa đó
Một thoáng băng khuâng nhói nhói lòng
LTH

* Nguồn: ERIC T. JENNINGS: Đỉnh cao đế quốc, Đà Lạt và sự hưng vong của Đông Dương thuộc Pháp. ĐH Hoa Sen & NXB Hồng Đức, 2015